

Biểu mẫu 21

*(Kèm theo công văn số 5901 /BGDDĐT-KHTC ngày 17 tháng 10 năm 2014
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

THÔNG BÁO

**Công khai cam kết chất lượng đào tạo thực tế của
cơ sở giáo dục đại học năm học 2017-2018**

TT	Nội dung	Khóa học/ Năm tốt nghiệp	Số sinh viên nhập học	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau một năm ra trường
					Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
I	Đại học chính quy	2016-2017	3083	1393	27	239	912	
a	Chương trình đại trà		1454	1278	20	209	839	
..	Ngành hệ thống thông tin quản lý...		187	51	0	2	33	97.9%
..	Ngành kế toán		9	170	0	18	114	98.1%
	Ngành Kiểm toán			86	2	16	54	100.0%
	Ngành Kinh doanh quốc tế			120	11	40	52	98.9%
	Ngành Kinh doanh thương mại		1	71	1	5	48	93.8%
	Ngành Kinh tế		196	115		22	83	91.9%
	Ngành Luật		93	46		13	30	95.7%
	Ngành Luật kinh tế		142	79		18	47	97.4%
	Ngành Marketing			45		3	37	98.0%
	Ngành quản trị khách sạn		120	30	2	5	23	
	Quản trị kinh doanh		177	237	1	30	167	98.9%
	Quản trị nhân lực		102	28		4	23	96.3%

	Tài chính - Ngân hàng		165	193	3	33	123	97.7%
	Thống kê		54	7			5	100.0%
	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành		118					
	Quản lý nhà nước		90					
b	Chương trình chất lượng cao		1629	115	7	30	73	
...	Ngành Kiểm toán		183	26	2	8	13	90.0%
	Ngành Kinh doanh quốc tế		199	37	3	10	24	
	Ngành Quản trị kinh doanh		235	33		8	25	96.0%
	Ngành Tài chính - Ngân hàng		298	19	2	4	11	89.5%
	Ngành kế toán		267					
	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành		135					
	Marketing		132					
	Ngành Kinh doanh thương mại		180					
III	Sau đại học	2016-2017						
a	Thạc sĩ		552	506				
1	Ngành Kế toán		94	58				
2	Ngành Kinh tế phát triển		27	107				
3	Ngành Quản lý kinh tế		112					
4	Ngành Quản trị kinh doanh		176	204				
5	Ngành Tài chính - Ngân hàng		134	125				
6	Ngành Triết học		9	12				
b	Tiến sĩ		13	7				
1	Ngành Kế toán		4					
2	Ngành Kinh tế phát triển		3	4				
3	Ngành Quản trị kinh doanh		6	3				
4	Ngành Tài chính - Ngân hàng		2					